

Bản án số 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2025

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Bùi Thị Thúy.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1983; nơi thường trú và nơi ở: Số nhà C, phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh **Phạm Quang Đ**, sinh năm 1976; nơi thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương

(Chị T có đơn xin vắng mặt; vắng mặt anh Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị **Phạm Thị Thu T** trình bày: Chị T và anh Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là xã Q), huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/9/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm không hòa hợp, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, xích mích, cãi nhau, bản thân anh Đ tính cách hay thay đổi và không có sự bàn bạc thống nhất các công việc trong gia đình. Do vợ chồng sống không có tình cảm nên đến giữa năm 2016 chị T đã về quê

huyện T, tỉnh Hải Dương sinh sống, tình cảm vợ chồng chấm dứt từ đó cho đến nay không quan tâm đi lại với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh Đ có 1 con chung là Phạm Trung H, sinh ngày 30/7/2004, hiện cháu H đang ở với chị T và đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chị T và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ, anh Đ đã nhận nhưng không ký vào biên bản và không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 26/11/2024 Tòa án đã đến gia đình anh Đ để lấy lời khai của anh Đ. Tại biên bản lấy lời khai anh Đ trình bày: Anh kết hôn với chị T vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Do vợ chồng sống không hòa hợp nên năm 2016 chị T và con đã về quê T, tỉnh Hải Dương sinh sống, thời gian đầu chị T có về hỏi thăm mẹ và người thân trong gia đình anh, nhưng không quan tâm gì đến anh, kể từ năm 2016 cho đến nay tình cảm vợ chồng chấm dứt. Nay chị T xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và anh xin được vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa.

Về con chung: Anh Đ xác nhận anh và chị T có 1 con chung là Phạm Trung H, sinh ngày 30/7/2004, hiện cháu H đang ở với chị T và đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản anh Đ và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức chung nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Q (nay là xã Q): anh Phạm Quang Đ sinh năm 1976 kết hôn với chị Phạm Thị Thu T vào ngày 16/9/2003 tại UBND xã Q, huyện G. Việc anh Đ và chị T mâu thuẫn địa phương không nắm được, theo thông tin nắm bắt địa phương được biết chị T cùng con trai đã về quê T, Hải Dương sinh sống từ năm 2016 cho đến nay. Hiện anh Đ đang sinh sống tại thôn Đ, xã Q, huyện G cùng với mẹ và anh trai.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; 56

Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị: Xử cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Quang Đ. Án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc giải quyết ly hôn anh Phạm Quang Đ hiện đang cư trú và sinh sống tại thôn Đ, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương được xác định tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh Đ có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; do đó HĐXX xét xử vắng mặt chị T và anh Đ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị Thu T và anh Phạm Quang Đ được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã Q), huyện G, tỉnh Hải Dương vào năm 2003 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không hòa hợp, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh Đ đến Tòa án làm việc nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 26/11/2024 Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Đ tại gia đình anh Đ. Tại biên bản lấy lời khai anh Đ xác định: Do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến nhau kể từ năm 2016 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn của chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn anh Đ là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh Đ xác định vợ chồng có một con chung là Phạm Trung H, sinh ngày 30/7/2004, hiện cháu H đang ở với chị T

và đã trưởng thành nên chị T và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu T ly hôn anh Phạm Quang Đ.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/24 số 0000560 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã Quang Đức để ghi vào sổ hộ tịch (kết hôn năm 2003)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thắm